

**BÁO CÁO**

**Cập nhật, bổ sung tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách  
8 tháng đầu năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Để chuẩn bị nội dung phục vụ kỳ họp thứ 2 HĐND Thành phố, khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026, UBND Thành phố đã có Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 21/7/2021 gửi HĐND Thành phố về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2021. Thực hiện yêu cầu của Đảng đoàn HĐND Thành phố tại Báo cáo số 121-BC/ĐĐ ngày 23/8/2021, UBND Thành phố báo cáo cập nhật, bổ sung tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

**1. Về thu ngân sách (chi tiết tại Phụ lục số 1 đính kèm)**

Tổng thu NSNN trên địa bàn 8 tháng đầu năm thực hiện là 164.483 tỷ đồng, đạt 69,8% dự toán Trung ương giao (đạt 65,4% dự toán Thành phố giao), bằng 110,3% so với cùng kỳ (nếu tính cả số thu được gia hạn trong 8 tháng đầu năm theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ thì tổng thu NSNN trên địa bàn 8 tháng đầu năm thực hiện là 177.683 tỷ đồng, đạt 75,4% dự toán Trung ương giao và 70,7% dự toán Thành phố giao, bằng 108,7% so với cùng kỳ), trong đó:

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 14.359 tỷ đồng, đạt 77,2% dự toán, bằng 119,9% so với cùng kỳ; trong đó: thuế xuất khẩu đạt 25,9% dự toán, thuế nhập khẩu đạt 50,0% dự toán, thuế tiêu thụ đặc biệt đạt 77,9% dự toán, thuế giá trị gia tăng đạt 86,2% dự toán và thuế bảo vệ môi trường đạt 67,5% dự toán.

- Thu từ dầu thô: 910 tỷ đồng, đạt 72,8% dự toán, bằng 48,5% so với cùng kỳ.

- Thu nội địa: 149.214 tỷ đồng, đạt 69,2% dự toán Trung ương giao (đạt 64,5% dự toán Thành phố giao), bằng 110,3% so với cùng kỳ (nếu tính cả số thu được gia hạn trong 8 tháng đầu năm theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ thì tổng thu nội địa 8 tháng đầu năm thực hiện là 162.414 tỷ đồng, đạt 75,3% dự toán Trung ương giao và 70,2% dự toán Thành phố giao, bằng 108,6% so với cùng kỳ), trong đó:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương 34.981 tỷ đồng, đạt 73,3% dự toán Trung ương giao (đạt 68,6% dự toán Thành phố giao) và bằng 127,1% so với cùng kỳ.

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương 1.253 tỷ đồng, đạt

62,7% dự toán Trung ương giao (đạt 59,7% dự toán Thành phố giao) và bằng 106,8% so với cùng kỳ.

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 16.141 tỷ đồng, đạt 78,6% dự toán và bằng 124,2% so với cùng kỳ.

+ Thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh 34.319 tỷ đồng, đạt 68,6% dự toán Trung ương giao (đạt 66,4% dự toán Thành phố giao) và bằng 134,6% so với cùng kỳ.

Nhìn chung, thu từ khu vực sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm thực hiện 86.694 tỷ đồng<sup>1</sup>, đạt 72,1% dự toán Trung ương giao (đạt 69,2% dự toán Thành phố giao) và tăng 29,1% so cùng kỳ. Điều này cho thấy đã có sự phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh; tuy nhiên, sự phục hồi sản xuất kinh doanh tập trung vào lĩnh vực tài chính- ngân hàng, viễn thông chưa thực sự vững chắc (biến động doanh thu không ổn định) do kinh tế khu vực và thế giới còn nhiều khó khăn, chuỗi cung ứng vẫn bị gián đoạn, giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh (nhất là các sản phẩm có nguồn gốc tài nguyên và các linh kiện điện tử cao cấp) và các hoạt động phụ trợ bị hạn chế (đặc biệt là vận tải biển)...

+ Thu thuế thu nhập cá nhân 22.160 tỷ đồng, đạt 89,7% dự toán Trung ương giao (đạt 85,6% dự toán Thành phố giao), bằng 116,0% so với cùng kỳ.

+ Thu tiền sử dụng đất 10.169 tỷ đồng, đạt 50,8% dự toán Trung ương giao (đạt 44,8% dự toán Thành phố giao), bằng 76,1% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu tiền sử dụng đất 8 tháng đầu năm đạt thấp so với dự toán và cùng kỳ chủ yếu do đầu năm chưa đủ điều kiện thực hiện ghi thu – ghi chi các dự án BT và tiến độ thực hiện đấu giá thu tiền sử dụng đất còn chậm so với kế hoạch đề ra.

+ Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước 3.760 tỷ đồng, đạt 72,3% dự toán Trung ương giao (đạt 62,7% dự toán Thành phố giao), bằng 102,8% so với cùng kỳ.

+ Thu thuế bảo vệ môi trường 3.796 tỷ đồng, đạt 54,2% dự toán Trung ương giao (đạt 51,3% dự toán Thành phố giao), bằng 88,3% so với cùng kỳ.

+ Thu phí, lệ phí 11.007 tỷ đồng, đạt 64,4% dự toán Trung ương giao (đạt 62,6% dự toán Thành phố giao), bằng 107,3% so với cùng kỳ.

+ Thu khác ngân sách 2.852 tỷ đồng, đạt 40,7% dự toán Trung ương giao (đạt 38,0% dự toán Thành phố giao), bằng 74,5% so với cùng kỳ.

**\* Về tình hình thực hiện thu NSNN trên địa bàn các quận, huyện, thị xã 8 tháng đầu năm:** đạt 64% dự toán Thành phố giao, trong đó các khoản thuế, phí lệ phí đạt 68% dự toán, thu tiền sử dụng đất đạt 49% dự toán. Ngoài một số đơn vị có số thu đạt mức cao<sup>2</sup> (chủ yếu do số thu từ tiền sử dụng đất), còn một số đơn

<sup>1</sup> Nếu tính thêm cả nguồn gia hạn thì tổng nguồn phát sinh thu từ sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm 2021 khoảng 99.894 tỷ đồng, đạt 83,1% dự toán Trung ương giao và 79,7% dự toán Thành phố giao, tăng 22,5% so với cùng kỳ.

<sup>2</sup> Mỹ Đức (139%), Phú Xuyên (122%), Thường Tín (110%), Hà Đông (90%), Ứng Hòa (87%), Sóc Sơn (84%), Ba Vì (83%), Hoàn Kiếm (82%).

vị có kết quả thu đạt tỷ lệ thấp<sup>3</sup>...Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tiến độ thu của một số đơn vị đạt thấp là do dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến các khoản thu thuế, phí, lệ phí do doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đồng thời, chính sách giãn, hoãn hạn nộp thuế cho các doanh nghiệp cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ thu 8 tháng đầu năm; ngoài ra, công tác đấu giá quyền sử dụng đất những tháng đầu năm còn chậm.

## **2. Về chi ngân sách (chi tiết tại Phụ lục số 2 đính kèm)**

Trước tình hình đại dịch Covid-19 tiếp tục có những diễn biến hết sức phức tạp, để kịp thời đảm bảo kinh phí cho công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; bên cạnh các chính sách đã được Trung ương ban hành, Thành phố đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND Thành phố trình Thường trực HĐND Thành phố ban hành một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội: hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng và một số đối tượng khác bị ảnh hưởng, gặp khó khăn do đại dịch Covid-19<sup>4</sup>; chính sách hỗ trợ tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 trong điều kiện bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19<sup>5</sup>; chính sách hỏa táng đối với người tử vong dương tính với SARS-CoV-2 trên địa bàn thành phố Hà Nội<sup>6</sup>. Tính đến hết ngày 31/8/2021, ngân sách các cấp đã bố trí kinh phí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định là 1.731,8 tỷ đồng; hỗ trợ cho 373.367 đối tượng bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 theo các chính sách của Trung ương và Thành phố với tổng kinh phí là 433,4 tỷ đồng. Cùng với nguồn lực từ ngân sách, Thành phố tổ chức huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân ủng hộ, tài trợ kinh phí cho Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 phục vụ công tác phòng, chống dịch và tiêm vắc xin phòng ngừa dịch Covid-19 với số tiền huy động lũy kế đến ngày 31/8/2021 được hơn 746,5 tỷ đồng.

Để đảm bảo cân đối ngân sách các cấp trong tình hình dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, ngoài số kinh phí đã cắt giảm và tiết kiệm theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ là 1.167,7 tỷ đồng; thực hiện Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ và chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh Covid-19, UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện rà soát, cắt giảm chi thường xuyên năm 2021 (cụ thể: tạm dừng triển khai và cắt giảm kinh phí mua sắm trang thiết bị từ nguồn ngân sách chi thường xuyên chưa thực hiện (trừ trang thiết bị phục vụ phòng,

<sup>3</sup> Đông Anh (22%), Quốc Oai (39%), Bắc Từ Liêm (46%), Tây Hồ (50%), Ba Đình (51%), Long Biên (52%), Hoài Đức (54%).

<sup>4</sup> Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Thường trực HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng, gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND Thành phố về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

<sup>5</sup> Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Thường trực HĐND Thành phố về hỗ trợ tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 trong điều kiện bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19.

<sup>6</sup> Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Thường trực HĐND Thành phố về việc quy định ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí thực hiện hỏa táng đối với người tử vong dương tính với SARS-CoV-2 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

chống dịch bệnh và các nhiệm vụ mua sắm cấp thiết khác); cắt giảm, thu hồi các khoản chi ngân sách thường xuyên chưa thực sự cần thiết, chậm triển khai để tập trung nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch.

Tổng chi ngân sách địa phương 8 tháng đầu năm thực hiện 39.147 tỷ đồng, đạt 36,0% dự toán năm và bằng 90,5% so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện 12.974 tỷ đồng, đạt 25,3% dự toán và bằng 75,1% so với cùng kỳ, trong đó chi XDGB đạt 24,6% dự toán.

- Các khoản chi thường xuyên thực hiện 26.160 tỷ đồng, đạt 55,2% dự toán và bằng 101,4% so với cùng kỳ.

Tính đến hết ngày 31/8/2021, Thành phố đã sử dụng 993,6 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách cấp Thành phố để kịp thời xử lý các nhiệm vụ đột xuất phát sinh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó: chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 là 788,8 tỷ đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 3 đính kèm*).

**\* Về tình hình chi ngân sách của các quận, huyện, thị xã 8 tháng đầu năm:** kết quả chi ngân sách của các quận, huyện, thị xã ở mức thấp (đạt 47% dự toán, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 36% dự toán, chi thường xuyên đạt 66% dự toán). Theo báo cáo của các quận, huyện, tỷ lệ giải ngân chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt thấp do còn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; việc hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án mới còn chậm...

**3. Cân đối ngân sách:** Với kết quả thu ngân sách trên địa bàn nêu trên, thu ngân sách địa phương được hưởng theo điều tiết 8 tháng đầu năm 2021 là 62.086 tỷ đồng, đạt 69,6% dự toán Trung ương giao (đạt 61,7% dự toán Thành phố giao)<sup>7</sup>, trong đó: thu từ thuế, phí đạt 75,1% dự toán Trung ương giao và 66,7% dự toán Thành phố giao; thu tiền sử dụng đất đạt 50,6% dự toán Trung ương giao và 44,6% dự toán Thành phố giao). Do vậy, về cơ bản, ngân sách Thành phố vẫn đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo kế hoạch và đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, phòng chống, xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, giải quyết các vấn đề bức xúc dân sinh.

**4. Để hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 ở mức cao nhất cùng với việc thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19;** các ngành, các cấp cần nỗ lực phấn đấu, thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề ra trong các Nghị quyết, Chương trình của Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về tài chính - ngân sách tại Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 21/7/2021 của UBND Thành phố gửi HĐND Thành phố về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2021, trong đó, tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

(1) Rà soát, đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 và khả năng thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, thu ngân sách địa phương để tham mưu UBND các cấp báo cáo cấp có thẩm quyền phương án điều hành thu, chi ngân sách và đảm bảo cân đối ngân sách các cấp.

<sup>7</sup> Trong đó, ngân sách cấp Thành phố đạt 61,4% dự toán; ngân sách quận, huyện, thị xã đạt 62,2% dự toán.

(2) Các Tổ công tác của Thành phố tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án, chủ đầu tư, các quận, huyện, thị xã và theo dõi chặt chẽ việc thực hiện các cam kết của chủ đầu tư về tiến độ giải ngân của từng dự án; kịp thời điều chỉnh linh hoạt kế hoạch vốn từ các dự án giải ngân chậm, không đạt tiến độ theo cam kết sang các dự án có khả năng thực hiện và có nhu cầu bổ sung vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tập trung rà soát, cắt giảm và tiết kiệm chi thường xuyên theo đúng chỉ đạo của Chính phủ và Thành phố đối với các nhiệm vụ chưa thật sự cần thiết.

(3) Tập trung các nguồn lực (tiết kiệm thêm chi thường xuyên, sử dụng 50% nguồn dự phòng ngân sách các cấp, Quỹ dự trữ tài chính Thành phố và các nguồn hợp pháp khác) để đảm bảo kinh phí cho công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

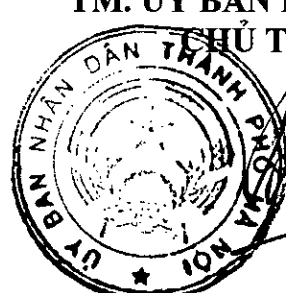
Trên đây là báo cáo cập nhật, bổ sung tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 8 tháng đầu năm 2021 của thành phố Hà Nội, UBND Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố. *Ch*

**Nơi nhận:**

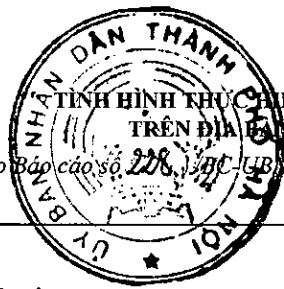
- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KTNS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN Hà Nội;
- VPUB: CVP, các PCVP, KT, TKBT;
- Lưu: VT, KTHành. *Ph*

39677- 45

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Chu Ngọc Anh**



**TÌNH HÌNH THU CHI NHAN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
TRÊN ĐỊA BÀN 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**  
(Kèm theo Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 06/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: triệu đồng

| STT        | CHỈ TIÊU                                                    | DỰ TOÁN NĂM 2021   |                    | 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 |                 |                |                |
|------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|-----------------|----------------|----------------|
|            |                                                             | Trung ương giao    | Thành phố giao     | THỰC HIỆN            | TỶ LỆ (%) TH/DT |                | SO VỚI CÙNG KỲ |
|            |                                                             |                    |                    |                      | Trung ương giao | Thành phố giao |                |
|            | <b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)</b>                | <b>235.521.000</b> | <b>251.321.000</b> | <b>164.482.855</b>   | <b>69,8%</b>    | <b>65,4%</b>   | <b>110,3%</b>  |
| <b>I</b>   | <b>THU NỘI ĐỊA</b>                                          | <b>215.671.000</b> | <b>231.471.000</b> | <b>149.213.838</b>   | <b>69,2%</b>    | <b>64,5%</b>   | <b>110,3%</b>  |
| <b>1</b>   | <b>Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý</b>            | <b>47.718.000</b>  | <b>50.985.000</b>  | <b>34.980.773</b>    | <b>73,3%</b>    | <b>68,6%</b>   | <b>127,1%</b>  |
|            | - Thuế giá trị gia tăng                                     | 13.606.000         | 14.500.000         | 8.976.125            | 66,0%           | 61,9%          | 109,3%         |
|            | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                                | 29.630.000         | 32.000.000         | 23.472.980           | 79,2%           | 73,4%          | 143,8%         |
|            | - Thuế tiêu thụ đặc biệt                                    | 3.600.000          | 3.600.000          | 1.976.370            | 54,9%           | 54,9%          | 83,0%          |
|            | Tr.đó: Thu từ CSKD nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước     | 2.000              | 2.000              | -615.452             |                 |                |                |
|            | - Thuế tài nguyên                                           | 12.000             | 15.000             | 8.682                | 72,4%           | 57,9%          | 100,1%         |
|            | - Thu từ khí thiên nhiên, khí than                          | 870.000            | 870.000            | 546.616              | 62,8%           | 62,8%          | 93,5%          |
| <b>2</b>   | <b>Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý</b>            | <b>2.000.000</b>   | <b>2.100.000</b>   | <b>1.253.112</b>     | <b>62,7%</b>    | <b>59,7%</b>   | <b>106,8%</b>  |
|            | - Thuế giá trị gia tăng                                     | 900.000            | 1.000.000          | 486.697              | 54,1%           | 48,7%          | 88,6%          |
|            | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                                | 800.000            | 800.000            | 512.214              | 64,0%           | 64,0%          | 121,5%         |
|            | - Thuế tiêu thụ đặc biệt                                    | 215.000            | 215.000            | 204.915              | 95,3%           | 95,3%          | 131,8%         |
|            | Tr.đó: Thu từ CSKD nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước     | 2.000              | 2.000              | 726                  | 36,3%           | 36,3%          | 80,6%          |
|            | - Thuế tài nguyên                                           | 85.000             | 85.000             | 49.286               | 58,0%           | 58,0%          | 106,0%         |
| <b>3</b>   | <b>Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài</b>           | <b>20.540.000</b>  | <b>20.540.000</b>  | <b>16.140.853</b>    | <b>78,6%</b>    | <b>78,6%</b>   | <b>124,2%</b>  |
|            | - Thuế giá trị gia tăng                                     | 6.220.000          | 6.220.000          | 4.026.106            | 64,7%           | 64,7%          | 107,4%         |
|            | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                                | 12.014.000         | 12.014.000         | 10.344.222           | 86,1%           | 86,1%          | 133,6%         |
|            | - Thuế tiêu thụ đặc biệt                                    | 2.300.000          | 2.300.000          | 1.763.765            | 76,7%           | 76,7%          | 117,1%         |
|            | Tr.đó: Thu từ CSKD nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước     | 280.000            | 280.000            | 157.451              | 56,2%           | 56,2%          | 94,1%          |
|            | - Thuế tài nguyên                                           | 6.000              | 6.000              | 6.760                | 112,7%          | 112,7%         | 219,2%         |
| <b>4</b>   | <b>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</b>              | <b>50.023.000</b>  | <b>51.656.000</b>  | <b>34.319.342</b>    | <b>68,6%</b>    | <b>66,4%</b>   | <b>134,6%</b>  |
|            | - Thuế giá trị gia tăng                                     | 21.996.000         | 22.500.000         | 13.680.334           | 62,2%           | 60,8%          | 116,2%         |
|            | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                                | 27.070.000         | 28.144.000         | 19.968.368           | 73,8%           | 71,0%          | 152,6%         |
|            | - Thuế tiêu thụ đặc biệt                                    | 945.000            | 1.000.000          | 659.017              | 69,7%           | 65,9%          | 106,3%         |
|            | Tr.đó: Thu từ CSKD nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước     | 55.000             | 55.000             | 105.834              | 192,4%          | 192,4%         | 247,8%         |
|            | - Thuế tài nguyên                                           | 12.000             | 12.000             | 11.623               | 96,9%           | 96,9%          | 125,8%         |
| <b>5</b>   | <b>Thuế thu nhập cá nhân</b>                                | <b>24.700.000</b>  | <b>25.900.000</b>  | <b>22.160.263</b>    | <b>89,7%</b>    | <b>85,6%</b>   | <b>116,0%</b>  |
| <b>6</b>   | <b>Thuế bảo vệ môi trường</b>                               | <b>7.000.000</b>   | <b>7.400.000</b>   | <b>3.796.570</b>     | <b>54,2%</b>    | <b>51,3%</b>   | <b>88,3%</b>   |
|            | Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu                       | 4.396.000          | 4.647.200          | 193                  | 0,0%            | 0,0%           | 0,0%           |
|            | - Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước                       | 2.604.000          | 2.752.800          | 3.796.377            | 145,8%          | 137,9%         | 237,2%         |
| <b>7</b>   | <b>Lệ phí trước bạ</b>                                      | <b>7.200.000</b>   | <b>7.800.000</b>   | <b>4.690.520</b>     | <b>65,1%</b>    | <b>60,1%</b>   | <b>113,1%</b>  |
| <b>8</b>   | <b>Thu phí, lệ phí</b>                                      | <b>17.084.000</b>  | <b>17.584.000</b>  | <b>11.007.360</b>    | <b>64,4%</b>    | <b>62,6%</b>   | <b>107,3%</b>  |
|            | - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu            | 15.784.000         | 15.784.000         | 9.175.846            | 58,1%           | 58,1%          | 99,8%          |
|            | - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu            | 1.300.000          | 1.800.000          | 1.831.514            | 140,9%          | 101,8%         | 172,0%         |
|            | Trong đó: Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản             | 5.000              | 5.000              |                      |                 |                |                |
| <b>9</b>   | <b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>                     | <b>500.000</b>     | <b>500.000</b>     | <b>279.135</b>       | <b>55,8%</b>    | <b>55,8%</b>   | <b>73,4%</b>   |
| <b>10</b>  | <b>Thu tiền thuê đất, mặt nước</b>                          | <b>5.200.000</b>   | <b>6.000.000</b>   | <b>3.760.191</b>     | <b>72,3%</b>    | <b>62,7%</b>   | <b>102,8%</b>  |
| <b>11</b>  | <b>Thu tiền sử dụng đất</b>                                 | <b>20.000.000</b>  | <b>22.700.000</b>  | <b>10.168.628</b>    | <b>50,8%</b>    | <b>44,8%</b>   | <b>76,1%</b>   |
|            | - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc TW quản lý          |                    |                    | 40.500               |                 |                |                |
|            | - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc ĐP quản lý          | 20.000.000         | 22.700.000         | 10.128.128           | 50,6%           | 44,6%          | 75,8%          |
| <b>12</b>  | <b>Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</b> | <b>500.000</b>     | <b>600.000</b>     | <b>100.137</b>       | <b>20,0%</b>    | <b>16,7%</b>   | <b>66,7%</b>   |
| <b>13</b>  | <b>Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết</b>                    | <b>360.000</b>     | <b>360.000</b>     | <b>251.596</b>       | <b>69,9%</b>    | <b>69,9%</b>   | <b>114,0%</b>  |
| <b>14</b>  | <b>Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</b>              | <b>16.000</b>      | <b>16.000</b>      | <b>43.198</b>        | <b>270,0%</b>   | <b>270,0%</b>  | <b>267,4%</b>  |
|            | - Giấy phép do Trung ương cấp                               | 13.700             | 13.700             | 38.924               | 284,1%          | 284,1%         | 283,3%         |
|            | - Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp                 | 2.300              | 2.300              | 4.274                | 185,8%          | 185,8%         | 177,1%         |
| <b>15</b>  | <b>Thu khác ngân sách</b>                                   | <b>7.000.000</b>   | <b>7.500.000</b>   | <b>2.851.871</b>     | <b>40,7%</b>    | <b>38,0%</b>   | <b>74,5%</b>   |
|            | - Thu khác ngân sách trung ương                             | 5.000.000          | 5.000.000          | 1.685.659            | 33,7%           | 33,7%          | 66,0%          |
|            | - Thu khác ngân sách địa phương                             | 2.000.000          | 2.500.000          | 1.166.212            | 58,3%           | 46,6%          | 91,5%          |
| <b>16</b>  | <b>Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</b> | <b>130.000</b>     | <b>130.000</b>     | <b>126.478</b>       | <b>97,3%</b>    | <b>97,3%</b>   | <b>72,4%</b>   |
| <b>17</b>  | <b>Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (NSDP hưởng 100%)</b>   | <b>700.000</b>     | <b>700.000</b>     | <b>447.970</b>       | <b>64,0%</b>    | <b>64,0%</b>   | <b>89,5%</b>   |
| <b>18</b>  | <b>Chênh lệch thu chi ngân hàng nhà nước</b>                | <b>5.000.000</b>   | <b>5.000.000</b>   | <b>835.841</b>       | <b>16,7%</b>    | <b>16,7%</b>   | <b>10,5%</b>   |
| <b>19</b>  | <b>Thu cổ phần hóa DNNN địa phương</b>                      |                    | <b>4.000.000</b>   | <b>2.000.000</b>     |                 | <b>50,0%</b>   |                |
| <b>II</b>  | <b>THU TỪ ĐẦU THỎ</b>                                       | <b>1.250.000</b>   | <b>1.250.000</b>   | <b>909.722</b>       | <b>72,8%</b>    | <b>72,8%</b>   | <b>48,5%</b>   |
| <b>III</b> | <b>THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU</b>                     | <b>18.600.000</b>  | <b>18.600.000</b>  | <b>14.359.295</b>    | <b>77,2%</b>    | <b>77,2%</b>   | <b>119,9%</b>  |
| <b>1</b>   | <b>Thuế xuất khẩu</b>                                       | <b>150.000</b>     | <b>150.000</b>     | <b>38.857</b>        | <b>25,9%</b>    | <b>25,9%</b>   | <b>49,7%</b>   |
| <b>2</b>   | <b>Thuế nhập khẩu</b>                                       | <b>4.500.000</b>   | <b>4.500.000</b>   | <b>2.251.009</b>     | <b>50,0%</b>    | <b>50,0%</b>   | <b>89,3%</b>   |
| <b>3</b>   | <b>Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu</b>     | <b>380.000</b>     | <b>380.000</b>     | <b>296.168</b>       | <b>77,9%</b>    | <b>77,9%</b>   | <b>124,4%</b>  |
| <b>4</b>   | <b>Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu</b>      | <b>13.560.000</b>  | <b>13.560.000</b>  | <b>11.693.819</b>    | <b>86,2%</b>    | <b>86,2%</b>   | <b>130,4%</b>  |
| <b>5</b>   | <b>Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu</b>     | <b>10.000</b>      | <b>10.000</b>      | <b>6.752</b>         | <b>67,5%</b>    | <b>67,5%</b>   | <b>132,3%</b>  |
| <b>6</b>   | <b>Thu khác</b>                                             |                    |                    | <b>72.690</b>        |                 |                | <b>43,6%</b>   |

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 228 /BC-UBND ngày 06/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

ĐVT: triệu đồng

| STT        | Chỉ tiêu                                                                                            | Dự toán            | 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 |                 |                    |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|-----------------|--------------------|
|            |                                                                                                     |                    | THỰC HIỆN            | TỶ LỆ TH/DT (%) | SO VỚI CÙNG KỲ (%) |
|            | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                                      | <b>108.592.991</b> | <b>39.146.649</b>    | <b>36,0%</b>    | <b>90,5%</b>       |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                                                        | <b>51.241.326</b>  | <b>12.974.128</b>    | <b>25,3%</b>    | <b>75,1%</b>       |
| 1          | Chi đầu tư xây dựng cơ bản                                                                          | 50.541.326         | 12.424.128           | 24,6%           | 76,5%              |
| 1.1        | Chi từ nguồn XDCB trong nước                                                                        | 42.700.725         | 11.406.627           | 26,7%           | 76,4%              |
| 1.2        | Chi XDCB bằng nguồn vốn ngoài nước                                                                  | 7.840.601          | 1.017.501            | 13,0%           | 77,6%              |
| 2          | Bổ sung vốn cho các quỹ và ủy thác NH chính sách cho vay giải quyết việc làm, hỗ trợ nhà ở hộ nghèo | 550.000            | 550.000              | 100,0%          | 52,4%              |
| 3          | Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hỗ trợ các dự án xã hội hóa         | 150.000            | 0                    | 0,0%            | 0,0%               |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                                                             | <b>47.359.116</b>  | <b>26.160.286</b>    | <b>55,2%</b>    | <b>101,4%</b>      |
| 1          | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                  | 14.658.256         | 8.742.406            | 59,6%           | 100,3%             |
| 2          | Chi khoa học và công nghệ                                                                           | 801.306            | 159.234              | 19,9%           | 143,8%             |
| 3          | Chi quốc phòng                                                                                      | 1.109.285          | 781.330              | 70,4%           | 96,1%              |
| 4          | Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội                                                                | 1.062.764          | 570.212              | 53,7%           | 84,3%              |
| 5          | Chi y tế, dân số và gia đình                                                                        | 3.137.603          | 2.025.375            | 64,6%           | 94,2%              |
| 6          | Chi văn hóa thông tin                                                                               | 838.033            | 356.227              | 42,5%           | 97,7%              |
| 7          | Chi phát thanh, truyền hình                                                                         | 161.110            | 66.281               | 41,1%           | 147,1%             |
| 8          | Chi thể dục thể thao                                                                                | 812.145            | 309.500              | 38,1%           | 106,6%             |
| 9          | Chi bảo vệ môi trường                                                                               | 2.582.699          | 1.263.192            | 48,9%           | 108,4%             |
| 10         | Chi các hoạt động kinh tế                                                                           | 10.246.886         | 4.200.515            | 41,0%           | 120,1%             |
| 11         | Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể                                                     | 7.550.574          | 4.909.700            | 65,0%           | 100,4%             |
| 12         | Chi bảo đảm xã hội                                                                                  | 3.416.116          | 2.389.503            | 69,9%           | 93,3%              |
| 13         | Chi sự nghiệp khác                                                                                  | 982.339            | 386.811              | 39,4%           | 73,7%              |
| <b>III</b> | <b>Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay</b>                                                 | <b>439.900</b>     | <b>1.775</b>         | <b>0,4%</b>     | <b>1,2%</b>        |
| <b>IV</b>  | <b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>                                                             | <b>10.460</b>      | <b>10.460</b>        | <b>100,0%</b>   | <b>100,0%</b>      |
| <b>V</b>   | <b>Dự phòng ngân sách</b>                                                                           | <b>2.650.856</b>   |                      |                 |                    |
| <b>VI</b>  | <b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>                                                            | <b>6.891.333</b>   |                      |                 |                    |

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ  
8 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

*(Kèm theo Báo cáo số 228 /BC-UBND ngày 06/8/2021 của UBND thành phố Hà Nội)*

*Đơn vị: triệu đồng*

| Số TT     | Nội dung                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị hưởng                                                                   | Số tiền                 | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|
|           | <b><u>TỔNG SỐ</u></b>                                                                                                                                                                                                               |                                                                                | <b><u>993.609,7</u></b> |         |
| <b>I</b>  | <b><u>Chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid - 19</u></b>                                                                                                                                                                    |                                                                                | <b><u>788.787,0</u></b> |         |
| 1         | Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 về việc bổ sung kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021                                                                                           | Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Công an Hà Nội                                       | 16.425,0                |         |
| 2         | Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 về việc bổ sung kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 (đợt 2)                                                                                   | Sở Y tế                                                                        | 79.769,0                |         |
| 3         | Quyết định số 3597/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về việc bổ sung kinh phí mua sắm sinh phẩm xét nghiệm nhanh kháng nguyên phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội                                        | Sở Y tế                                                                        | 13.500,0                |         |
| 4         | Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về việc bổ sung kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 (đợt 3)                                                                                   | Sở Y tế; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Công an Hà Nội                              | 529.681,0               |         |
| 5         | Quyết định số 3830/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 về việc bổ sung kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 (đợt 5)                                                                                   | Sở Y tế                                                                        | 41.806,0                |         |
| 6         | Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 về việc bổ sung kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 (đợt 6)                                                                                   | Sở Y tế                                                                        | 107.606,0               |         |
| <b>II</b> | <b><u>Chi cho các hoạt động khác</u></b>                                                                                                                                                                                            |                                                                                | <b><u>204.822,7</u></b> |         |
| 1         | Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về việc bổ sung kinh phí thực hiện dự án cải tạo, sửa chữa Rạp Chuông vàng - 72 Hàng Bạc do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Văn hóa - Xã hội thành phố Hà Nội làm chủ đầu tư | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Văn hóa - Xã hội thành phố Hà Nội | 9.800,0                 |         |
| 2         | Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 về việc bổ sung kinh phí mua vắc xin tiêm phòng bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò năm 2021 trên địa bàn thành phố Hà Nội                                                                 | Sở NN&PTNT                                                                     | 5.205,0                 |         |
| 3         | Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 về việc bổ sung kinh phí giao Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ tổ chức thuê đơn vị tư vấn khảo sát, tính toán khoản chi phí khác chưa tính trong suất vốn đầu tư của Bộ Xây dựng ban hành   | Sở Xây dựng                                                                    | 486,0                   |         |
| 4         | Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 về việc bổ sung kinh phí cho Công an thành phố Hà Nội để bồi dưỡng cán bộ, chiến sỹ phục vụ cấp thẻ căn cước công dân trên địa bàn thành phố Hà Nội                                       | Công an thành phố Hà Nội                                                       | 27.455,0                |         |
| 5         | Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                  | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu                                                         | 3.000,0                 |         |

| Số TT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị hưởng                        | Số tiền  | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------|---------|
| 6     | Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Tây Ninh kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                  | Tỉnh Tây Ninh                       | 3.000,0  |         |
| 7     | Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Bình Phước kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                | Tỉnh Bình Phước                     | 3.000,0  |         |
| 8     | Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ thành phố Cần Thơ kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                              | Thành phố Cần Thơ                   | 3.000,0  |         |
| 9     | Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Đồng Nai kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                  | Tỉnh Đồng Nai                       | 3.000,0  |         |
| 10    | Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Bình Dương kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                | Tỉnh Bình Dương                     | 3.000,0  |         |
| 11    | Quyết định số 3870/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Cà Mau kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                    | Tỉnh Cà Mau                         | 3.000,0  |         |
| 12    | Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Kiên Giang kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                | Tỉnh Kiên Giang                     | 3.000,0  |         |
| 13    | Quyết định số 3872/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Trà Vinh kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                  | Tỉnh Trà Vinh                       | 3.000,0  |         |
| 14    | Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Sóc Trăng kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                 | Tỉnh Sóc Trăng                      | 3.000,0  |         |
| 15    | Quyết định số 3874/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Bạc Liêu kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                  | Tỉnh Bạc Liêu                       | 3.000,0  |         |
| 16    | Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh An Giang kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                  | Tỉnh An Giang                       | 3.000,0  |         |
| 17    | Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Hậu Giang kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                 | Tỉnh Hậu Giang                      | 3.000,0  |         |
| 18    | Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Bến Tre kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                   | Tỉnh Bến Tre                        | 3.000,0  |         |
| 19    | Quyết định số 3878/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Đồng Tháp kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                 | Tỉnh Đồng Tháp                      | 3.000,0  |         |
| 20    | Quyết định số 3879/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Vĩnh Long kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                 | Tỉnh Vĩnh Long                      | 3.000,0  |         |
| 21    | Quyết định số 3880/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Long An kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                   | Tỉnh Long An                        | 3.000,0  |         |
| 22    | Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc hỗ trợ tỉnh Tiền Giang kinh phí phòng chống dịch Covid-19                                                                                                                                                | Tỉnh Tiền Giang                     | 3.000,0  |         |
| 23    | Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 về việc bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên bị suy giảm nguồn thu, không đảm bảo tự chủ chi thường xuyên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19             | Sở Y tế                             | 67.172,0 |         |
| 24    | Quyết định số 3937/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 về việc bổ sung kinh phí năm 2021 cho Sở Du lịch để thực hiện hỗ trợ đối với hướng dẫn viên du lịch được cấp thẻ hành nghề hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19                             | Sở Du lịch                          | 21.666,4 |         |
| 25    | Quyết định số 3917/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 về việc bổ sung kinh phí năm 2021 cho Sở Văn hóa và Thể thao để thực hiện hỗ trợ đối với viên chức hoạt động nghệ thuật bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19                                                        | Sở Văn hóa và Thể thao              | 367,3    |         |
| 26    | Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc bổ sung kinh phí thực hiện chi trả hỗ trợ cho đối tượng là người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp năm 2021 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 18.671,0 |         |

*Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2021*

## **BÁO CÁO TÓM TẮT**

### **Thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2021**

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020**

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn năm 2020 thực hiện 287.542 tỷ đồng, đạt 103,1% dự toán, trong đó thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 18.705 tỷ đồng, đạt 101,6% dự toán; thu từ đầu thô 2.089 tỷ đồng đạt 99,5% dự toán; thu nội địa 266.748 tỷ đồng, đạt 103,3% dự toán. Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 85.365 tỷ đồng, đạt 82,7% dự toán HĐND Thành phố giao đầu năm (đạt 89,3% so với dự toán sau điều chỉnh), trong đó: chi đầu tư phát triển 40.264 tỷ đồng, đạt 89,6% dự toán giao đầu năm (đạt 91,9% so với dự toán sau điều chỉnh); chi thường xuyên 44.795 tỷ đồng, đạt 92,5% dự toán giao đầu năm (đạt 96,6% so với dự toán sau điều chỉnh).

#### **II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

##### **1. Tình hình phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021**

Ngay sau khi HĐND Thành phố thông qua Nghị quyết về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2021, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 giao dự toán ngân sách cho các sở, ngành, quận, huyện, thị xã. Trên cơ sở Quyết định của UBND Thành phố, các sở, ngành, quận, huyện, thị xã đã tiến hành phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc đảm bảo thời gian theo quy định của Luật NSNN. Tổng thu NSNN trên địa bàn được HĐND các quận, huyện, thị xã quyết định tăng 5,0% so với dự toán UBND Thành phố giao; thu ngân sách quận, huyện, thị xã tăng 10,0%; tổng chi NSDP các quận, huyện, thị xã quyết định tăng 10,0% so với dự toán UBND Thành phố giao. Việc phân bổ dự toán chi ngân sách của các quận, huyện, thị xã đã đảm bảo theo Nghị quyết HĐND Thành phố.

##### **2. Kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và cập nhật đến hết tháng 8/2021**

###### **2.1. Về thu ngân sách**

UBND Thành phố đã chỉ đạo Cục Thuế phối hợp với các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã kịp thời triển khai Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021; đồng thời bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN, chống thất thu, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và áp dụng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế. Tổng thu NSNN trên địa

bàn 6 tháng đầu năm thực hiện là 125.562 tỷ đồng, đạt 53,3% dự toán Trung ương giao (đạt 50,0% dự toán Thành phố giao), bằng 107,7% so với cùng kỳ (*cập nhật đến hết tháng 8/2021 là 164.483 tỷ đồng, đạt 69,8% dự toán Trung ương giao và đạt 65,4% dự toán Thành phố giao, bằng 110,3% so với cùng kỳ*), trong đó:

- *Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu*: 10.813 tỷ đồng, đạt 58,1% dự toán, bằng 121,4% so với cùng kỳ (*cập nhật đến hết tháng 8/2021 là 14.359 tỷ đồng, đạt 77,2% dự toán, bằng 119,9% so với cùng kỳ*).

- *Thu từ dầu thô*: 836 tỷ đồng, đạt 66,9% dự toán, bằng 46,8% so với cùng kỳ (*cập nhật đến hết tháng 8/2021 là 910 tỷ đồng, đạt 72,8% dự toán, bằng 48,5% so với cùng kỳ*).

- *Thu nội địa*: 113.914 tỷ đồng, đạt 52,8% dự toán Trung ương giao (đạt 49,2% dự toán Thành phố giao), bằng 107,6% so với cùng kỳ, trong đó: có 11 lĩnh vực, khoản thu đạt trên 50% dự toán Trung ương giao, tuy nhiên, còn 7 lĩnh vực, khoản thu đạt dưới 50% dự toán Trung ương giao (cụ thể: thu từ khu vực sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm thực hiện 65.178 tỷ đồng, đạt 54,2% dự toán Trung ương giao (đạt 52,0% dự toán Thành phố giao); thu tiền sử dụng đất 9.026 tỷ đồng, đạt 45,1% dự toán Trung ương giao (đạt 39,8% dự toán Thành phố giao); các khoản thu còn lại 39.709 tỷ đồng, đạt 52,7% dự toán Trung ương giao (đạt 47,6% dự toán Thành phố giao). *Thu nội địa cập nhật đến hết tháng 8/2021 là 149.214 tỷ đồng, đạt 69,2% dự toán Trung ương giao (đạt 64,5% dự toán Thành phố giao), bằng 110,3% so với cùng kỳ*.

## **2.2. Về chi ngân sách**

Trước tình hình đại dịch Covid-19 tiếp tục có những diễn biến hết sức phức tạp, để kịp thời đảm bảo kinh phí cho công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; bên cạnh các chính sách đã được Trung ương ban hành, Thành phố đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố và Thường trực HĐND Thành phố ban hành một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội: ban hành chính sách hỗ trợ thêm 70% mức chi bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia phòng chống dịch Covid-19; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng và một số đối tượng khác bị ảnh hưởng, gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; chính sách hỗ trợ tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 trong điều kiện bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19; chính sách hỏa táng đối với người tử vong dương tính với SARS-CoV-2 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tính đến hết ngày 31/8/2021, ngân sách các cấp đã bố trí kinh phí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định là 1.731,8 tỷ đồng; hỗ trợ cho 373.367 đối tượng bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 theo các chính sách của Trung ương và Thành phố với tổng kinh phí là 433,4 tỷ đồng. Cùng với nguồn lực từ ngân sách, Thành phố tổ chức huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân ủng hộ, tài trợ kinh phí cho Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 phục vụ công tác phòng, chống dịch và tiêm vắc xin phòng ngừa dịch Covid-19 với số tiền huy động lũy kế đến ngày 31/8/2021 được hơn 746,5 tỷ đồng.

Thành phố đã thực hiện điều hành ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo cân đối ngân sách; kịp thời bố trí kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn; chỉ đạo kịp

thời các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện rà soát, cắt giảm và tiết kiệm theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ là 1.167,7 tỷ đồng để bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19. Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ và chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh Covid-19, UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện rà soát, cắt giảm chi thường xuyên năm 2021 (cụ thể: tạm dừng triển khai và cắt giảm kinh phí mua sắm trang thiết bị từ nguồn ngân sách chi thường xuyên chưa thực hiện (trừ trang thiết bị phục vụ phòng, chống dịch bệnh và các nhiệm vụ mua sắm cấp thiết khác); cắt giảm, thu hồi các khoản chi ngân sách thường xuyên chưa thực sự cần thiết, chậm triển khai để tập trung nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch.

Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm thực hiện 29.970 tỷ đồng, đạt 27,6% dự toán năm và bằng 94,0% so với cùng kỳ (*cập nhật đến hết tháng 8/2021 là 39.147 tỷ đồng, đạt 36,0% dự toán năm và bằng 90,5% so với cùng kỳ*), trong đó:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện 10.315 tỷ đồng, đạt 20,1% dự toán, bằng 82,4% so với cùng kỳ (*cập nhật đến hết tháng 8/2021 là 12.974 tỷ đồng, đạt 25,3% dự toán và bằng 75,1% so với cùng kỳ*).

- Các khoản chi thường xuyên thực hiện 19.643 tỷ đồng, đạt 41,5% dự toán và bằng 101,5% so với cùng kỳ (*cập nhật đến hết tháng 8/2021 là 26.160 tỷ đồng, đạt 55,2% dự toán và bằng 101,4% so với cùng kỳ*).

Tính đến hết ngày 31/8/2021, Thành phố đã sử dụng 993,6 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách để kịp thời xử lý các nhiệm vụ đột xuất phát sinh theo quy định của Luật NSNN, trong đó chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 là 788,8 tỷ đồng.

**2.3. Cân đối ngân sách:** Với kết quả thu ngân sách trên địa bàn nêu trên, thu ngân sách địa phương được hưởng theo điều tiết 6 tháng đầu năm 2021 là 49.169 tỷ đồng, đạt 55,1% dự toán Trung ương giao và đạt 48,9% dự toán Thành phố giao (*cập nhật đến hết tháng 8/2021 là 62.086 tỷ đồng, đạt 69,6% dự toán Trung ương giao và đạt 61,7% dự toán Thành phố giao*). Về cơ bản, ngân sách Thành phố vẫn đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội theo kế hoạch.

### 3. Một số hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Công tác phân bổ dự toán của một số đơn vị còn chưa đảm bảo các quy định. Một số đơn vị dự toán, chủ đầu tư chưa chủ động triển khai nhiệm vụ được giao ngay từ đầu năm, đồng thời, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tỷ lệ giải ngân trong những tháng đầu năm một số lĩnh vực đạt thấp do các hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị bị giãn, hoãn không tổ chức theo kế hoạch dự kiến đầu năm.

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư những tháng đầu năm còn thấp do một số nguyên nhân:

- + Những tháng đầu năm, dịch Covid-19 bùng phát trở lại cùng với đó giá nguyên vật liệu xây dựng tăng cao đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai và giải ngân của các dự án.

- + Một số dự án phải thực hiện điều chỉnh hoặc vẫn còn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; một số chủ đầu tư chưa thực sự quyết liệt dồn đốc tiến độ

thực hiện các dự án.

+ Đối với các dự án ODA: do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên các chuyên gia sang Việt Nam gặp khó khăn; một số gói thầu thiết bị phải nhập khẩu từ châu Âu, Nhật Bản,... bị chậm tiến độ; một số dự án gặp khó khăn do chậm GPMB và vướng mắc trong điều chỉnh dự án.

- Việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của thanh tra, kiểm toán còn nhiều khó khăn.

- Công tác quyết toán vốn hoàn thành một số dự án đầu tư tồn đọng còn chậm, số lượng các dự án chậm hoàn thành quyết toán, trình phê duyệt.

### **III. NỘI DUNG CỤ THỂ TRÌNH HĐND THÀNH PHỐ**

#### **1. Về điều chỉnh quyết toán ngân sách Thành phố năm 2019**

Tại kỳ họp cuối năm 2020, UBND Thành phố đã báo cáo HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2019. UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố xem xét, chấp thuận việc điều chỉnh quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2019 theo Công văn số 3907/BTC-NSNN ngày 14/4/2021 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Điều chỉnh tăng thu bổ sung từ ngân sách Trung ương 196.008 triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng chi hoàn trả ngân sách Trung ương 19.088 triệu đồng kinh phí bổ sung có mục tiêu đã hết nhiệm vụ chi.
- Tăng kết dư ngân sách địa phương và tăng kết dư ngân sách cấp Thành phố 176.920 triệu đồng.

#### **2. Về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2021**

Tại kỳ họp cuối năm 2020, UBND Thành phố đã báo cáo HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2021; trong đó giao dự thu NSNN trên địa bàn cao hơn dự toán Trung ương giao 15.800.000 triệu đồng, tương ứng số thu ngân sách địa phương tăng thêm 11.424.030 triệu đồng. Số thu tăng thêm đã được sử dụng để tăng nguồn cải cách tiền lương là 1.212.015 triệu đồng, tăng dự phòng ngân sách là 758.953 triệu đồng và tăng chi đầu tư phát triển là 9.453.062 triệu đồng. Tuy nhiên, sau khi HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết 20/NQ-HĐND, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2021; trong đó hướng dẫn trường hợp Hội đồng nhân dân quyết định dự toán thu ngân sách cấp mình được hưởng cao hơn mức cấp trên giao thì phải dành 70% số tăng thu để thực hiện cải cách tiền lương. Khi tính toán lại theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, nguồn cải cách tiền lương sử dụng cho chi đầu tư phát triển chưa được thể hiện đầy đủ trong Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố. Vì vậy, UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố xem xét, chấp thuận việc điều chỉnh cơ cấu nguồn sử dụng để chi đầu tư phát triển trong dự toán ngân sách năm 2021, cụ thể:

- Điều chỉnh tăng thêm chi đầu tư phát triển từ nguồn cải cách tiền lương 764.806 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối thu thuế, phí 764.806 triệu đồng.

### **3. Về cho phép ngân sách quận được sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để bố trí chi đầu tư phát triển**

Trong 6 tháng đầu năm một số quận đề xuất sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi đầu tư; qua rà soát nhu cầu đầu tư và nguồn cải cách tiền lương còn dư của các quận, quận Thanh Xuân đề xuất được sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để bổ sung vốn đầu tư XDCB năm 2021. Trên cơ sở tình hình thực hiện chi đầu tư XDCB 6 tháng của quận Thanh Xuân (đạt 93% dự toán) và nhu cầu đầu tư, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố cho phép UBND quận Thanh Xuân được sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp quận để chi đầu tư XDCB năm 2021 với số tiền là 236.380 triệu đồng.

## **IV. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021**

Dự báo tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn tiềm ẩn, diễn biến phức tạp, khó lường và giá cả một số mặt hàng đầu vào cho sản xuất (sắt, thép,...) có xu hướng tăng là những lực cản cho phục hồi tăng trưởng kinh tế nên khó khăn, thách thức trong những tháng cuối năm còn rất lớn; do vậy, để hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 ở mức cao nhất cùng với việc thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; các ngành, các cấp cần nỗ lực phấn đấu, thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề ra trong các Nghị quyết, Chương trình của Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố; trong đó, về tài chính - ngân sách nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

(1) *Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các luật thuế và nhiệm vụ thu NSNN năm 2021, phấn đấu hoàn thành dự toán thu NSNN được giao ở mức cao nhất. Thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn, ưu đãi về thuế để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh: gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; miễn - giảm thuế, hoàn thuế...theo đúng quy định; đơn đốc thu hồi nợ đọng thuế; tăng cường khai thác nguồn thu ngân sách từ thuế, phí. Rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ thu từ đất (nhất là vướng mắc về quy trình, thủ tục trong việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính đất đai). Đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 và khả năng thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, thu ngân sách địa phương để tham mưu UBND các cấp báo cáo cấp có thẩm quyền phương án điều hành thu, chi ngân sách và đảm bảo cân đối ngân sách các cấp.*

(2) *Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Các Tổ công tác của Thành phố tăng cường chỉ đạo, đơn đốc, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án, chủ đầu tư, các quận, huyện, thị xã và theo dõi chặt chẽ việc thực hiện các cam kết của chủ đầu tư về tiến độ giải ngân của từng dự án; kịp thời điều chỉnh linh hoạt kế hoạch vốn từ các dự án giải ngân chậm, không đạt tiến độ theo cam kết sang các dự án có khả năng thực hiện và có nhu cầu bổ sung vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tập trung rà soát, cắt giảm và tiết kiệm chi thường xuyên theo đúng chỉ đạo của Chính phủ và Thành phố đối với các nhiệm vụ chưa thật sự cần thiết.*

(3) Tập trung các nguồn lực (tiết kiệm thêm chi thường xuyên, sử dụng 50% nguồn dự phòng ngân sách các cấp, Quỹ dự trữ tài chính Thành phố và các nguồn hợp pháp khác) để đảm bảo kinh phí cho công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

(4) Tập trung cao để triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(5) Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra của thanh tra các sở, ngành Thành phố; rà soát, thực hiện nghiêm túc các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, các kết luận và kiến nghị giám sát của HĐND Thành phố.

(6) Rà soát, điều chỉnh các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội; xây dựng định mức phân bổ ngân sách cho thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.

UBND Thành phố kính báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố./.